

Số: **1644** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **30** tháng **10** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về giáo viên chủ nhiệm;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo làm Giáo viên chủ nhiệm năm học 2024 - 2025.

Điều 2. Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định trong Quyết định số 992/QĐ-MĐC ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, TCCB₍₀₉₎.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Văn Hải

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA CƠ - ĐIỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

(kèm theo QĐ số: 1644 /QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Điện công nghiệp K66	Lê Xuân Thành	Điện khí hóa XN
2	Hệ thống điện K66	Nguyễn Thị Bích Hậu	Điện khí hóa XN
3	Điện Công nghiệp K67	Hồ Việt Bun	Điện khí hóa XN
4	Hệ thống điện K67	Phạm Trung Sơn	Điện khí hóa XN
5	Điện Công nghiệp 1 - K68	Đỗ Như Ý	Điện khí hóa XN
6	Điện Công nghiệp 2- K68	Đào Thị Thuỷ	Điện khí hóa XN
7	Hệ thống điện - K68	Ngô Thanh Tuấn	Điện khí hóa XN
8	Kỹ thuật điện A K69	Phạm Trung Sơn	Điện khí hóa XN
9	Kỹ thuật điện B K69	Nguyễn Thị Bích Hậu	Điện khí hóa XN
10	Kỹ thuật điện C K69	Đỗ Đức Thành	Điện khí hóa XN
11	Kỹ thuật điện D K69	Đào Thị Thuỷ	Điện khí hóa XN
12	Công nghệ Chế tạo máy K66	Đoàn Kim Bình	Kỹ thuật cơ khí
13	Kỹ thuật cơ khí động lực K66	Đoàn Kim Bình	Kỹ thuật cơ khí
14	Kỹ thuật cơ khí động lực K67	Bùi Minh Hoàng	Kỹ thuật cơ khí
15	Công nghệ Chế tạo máy K67A	Trần Đức Huân	Kỹ thuật cơ khí
16	Công nghệ Chế tạo máy K67B	Trần Đức Huân	Kỹ thuật cơ khí
17	Công nghệ Chế tạo máy K68	Phạm Tuấn Long	Kỹ thuật cơ khí
18	Kỹ thuật cơ khí động lực K68	Phạm Tuấn Long	Kỹ thuật cơ khí
19	Kỹ thuật cơ khí động lực A K69	Nguyễn Văn Lại	Kỹ thuật cơ khí
20	Kỹ thuật cơ khí động lực B K69	Nguyễn Văn Lại	Kỹ thuật cơ khí
21	Kỹ thuật cơ khí K69	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí
22	Điện - Điện tử K66	Tổng Ngọc Anh	Kỹ thuật Điện - Điện tử
23	Điện - Điện tử K67	Bùi Ngọc Hùng	Kỹ thuật Điện - Điện tử
24	Công nghệ KTD-ĐT K67	Nguyễn Trường Giang	Kỹ thuật Điện - Điện tử
25	Điện - Điện tử K68	Hà Thị Chúc	Kỹ thuật Điện - Điện tử
26	CN KTD-ĐT K68	Kim Cẩm Ánh	Kỹ thuật Điện - Điện tử
27	CN KTD-ĐT K69	Nguyễn Tiến Sỹ	Kỹ thuật Điện - Điện tử
28	Máy và thiết bị mô K66	Nguyễn Khắc Lĩnh	Máy và thiết bị CN
29	Cơ khí ô tô k66	Đặng Vũ Đình	Máy và thiết bị CN
30	Kỹ thuật cơ điện tử B K66	Nguyễn Văn Xô	Máy và thiết bị CN
31	Cơ điện tử K66A	Nguyễn Thế Hoàng	Máy và thiết bị CN
32	Kỹ thuật ô tô C K67	Đặng Vũ Đình	Máy và thiết bị CN
33	Kỹ thuật cơ điện tử A K67	Đoàn Công Luận	Máy và thiết bị CN
34	Kỹ thuật cơ điện tử B K67	Đoàn Công Luận	Máy và thiết bị CN
35	Kỹ thuật cơ điện tử C K67	Đoàn Công Luận	Máy và thiết bị CN
36	Kỹ thuật ô tô K67A	Nguyễn Thế Hoàng	Máy và thiết bị CN

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
37	Kỹ thuật ô tô K67B	Nguyễn Thế Hoàng	Máy và thiết bị CN
38	Kỹ thuật ô tô K68	Trần Viết Linh	Máy và thiết bị CN
39	Kỹ thuật cơ điện tử K68	Lê Thị Hồng Thắng	Máy và thiết bị CN
40	Kỹ thuật cơ điện tử A K69	Lê Văn Quang	Máy và thiết bị CN
41	Kỹ thuật cơ điện tử B K69	Lê Văn Quang	Máy và thiết bị CN
42	Kỹ thuật ô tô K69	Lê Thị Hồng Thắng	Máy và thiết bị CN
43	Tự động hóa A1 K66	Uông Quang Tuyền	Tự động hóa XN Mỏ& DK
44	Tự động hóa A2 K66	Uông Quang Tuyền	Tự động hóa XN Mỏ& DK
45	Tự động hóa C1 K66	Uông Quang Tuyền	Tự động hóa XN Mỏ& DK
46	Tự động hóa B1 K66	Đào Hiếu	Tự động hóa XN Mỏ& DK
47	Tự động hóa B2 K66	Đào Hiếu	Tự động hóa XN Mỏ& DK
48	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K67	Đào Hiếu	Tự động hóa XN Mỏ& DK
49	Tự động hóa A K67	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa XN Mỏ& DK
50	Tự động hóa B K67	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa XN Mỏ& DK
51	Tự động hóa C K67	Thái Hải Âu	Tự động hóa XN Mỏ& DK
52	Tự động hóa A K68	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa XN Mỏ& DK
53	Tự động hóa B K68	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa XN Mỏ& DK
54	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K68	Phan Thị Mai Phương	Tự động hóa XN Mỏ& DK
55	Tự động hóa K69	Thái Hải Âu	Tự động hóa XN Mỏ& DK
56	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K69	Thái Hải Âu	Tự động hóa XN Mỏ& DK



**DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
NĂM HỌC 2024 - 2025**

(kèm theo QĐ số: 1644/QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Công nghệ phần mềm C-K66	Đặng Hữu Nghị	Công nghệ phần mềm
2	Công nghệ phần mềm A-K66	Nguyễn Thế Lộc	Công nghệ phần mềm
3	Công nghệ phần mềm B-K66	Nguyễn Thị Hữu Phương	Công nghệ phần mềm
4	Công nghệ phần mềm E-K66	Phạm Thị Hải Vân	Công nghệ phần mềm
5	Công nghệ phần mềm D-K66	Ngô Ngọc Anh	Công nghệ phần mềm
6	Công nghệ phần mềm A-K67	Phạm Thị Hải Vân	Công nghệ phần mềm
7	Công nghệ phần mềm B-K67	Hoàng Anh Đức	Công nghệ phần mềm
8	Công nghệ phần mềm C-K67	Ngô Ngọc Anh	Công nghệ phần mềm
9	Hệ thống thông tin B-K66	Dương Chí Thiện	Hệ thống thông tin và Tri thức
10	Hệ thống thông tin C-K66	Dương Chí Thiện	Hệ thống thông tin và Tri thức
11	Hệ thống thông tin E-K66	Phạm Đức Hậu	Hệ thống thông tin và Tri thức
12	Hệ thống thông tin D-K66	Vũ Lan Phương	Hệ thống thông tin và Tri thức
13	Hệ thống thông tin A-K66	Vương Thị Như Quỳnh	Hệ thống thông tin và Tri thức
14	Hệ thống thông tin C-K67	Dương Chí Thiện	Hệ thống thông tin và Tri thức
15	Hệ thống thông tin B-K67	Vũ Lan Phương	Hệ thống thông tin và Tri thức
16	Hệ thống thông tin A-K67	Vương Thị Như Quỳnh	Hệ thống thông tin và Tri thức
17	Công nghệ Thông tin B-K69	Dương Thị Tâm	Hệ thống thông tin và Tri thức
18	Công nghệ Thông tin C-K69	Phạm An Cường	Hệ thống thông tin và Tri thức
19	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A2	Lê Hồng Anh	Khoa học máy tính
20	Khoa học máy tính ứng dụng E-K66	Nguyễn Thị Phương Bắc	Khoa học máy tính
21	Khoa học máy tính ứng dụng C-K66	Nguyễn Thuỳ Dương	Khoa học máy tính
22	Khoa học máy tính ứng dụng D-K66	Nguyễn Thuỳ Dương	Khoa học máy tính
23	Khoa học máy tính ứng dụng A-K66	Nông Thị Oanh	Khoa học máy tính
24	Khoa học máy tính ứng dụng B-K66	Nông Thị Oanh	Khoa học máy tính
25	Khoa học máy tính ứng dụng A-K67	Nguyễn Thuỳ Dương	Khoa học máy tính
26	Khoa học máy tính ứng dụng B-K67	Nông Thị Oanh	Khoa học máy tính
27	Công nghệ thông tin A-K68	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa học máy tính
28	Công nghệ thông tin B-K68	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa học máy tính
29	Mạng máy tính A-K66	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính
30	Mạng máy tính B-K66	Đặng Quốc Trung	Mạng máy tính
31	Mạng máy tính E-K66	Đào Anh Thư	Mạng máy tính
32	Mạng máy tính D-K66	Đỗ Như Hải	Mạng máy tính
33	Mạng máy tính C-K66	Nguyễn Tuấn Anh	Mạng máy tính
34	Mạng máy tính B-K67	Đào Thị Tuyết	Mạng máy tính

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
35	Mạng máy tính A-K67	Nguyễn Tuấn Anh	Mạng máy tính
36	Công nghệ Thông tin A-K69	Trương Xuân Bình	Mạng máy tính
37	Tin học Kinh tế A-K66	Nguyễn Thu Hằng	Tin học Kinh tế
38	Tin học Kinh tế E-K66	Phạm Quang Hiển	Tin học Kinh tế
39	Tin học Kinh tế B-K66	Phạm Thị Nguyệt	Tin học Kinh tế
40	Tin học Kinh tế C-K66	Vũ Thị Kim Liên	Tin học Kinh tế
41	Tin học Kinh tế D-K66	Vũ Thị Kim Liên	Tin học Kinh tế
42	Tin học kinh tế B-K67	Phạm Quang Hiển	Tin học Kinh tế
43	Tin học kinh tế A-K67	Vũ Thị Kim Liên	Tin học Kinh tế
44	Khoa học dữ liệu B-K68	Nguyễn Thu Hằng	Tin học Kinh tế
45	Khoa học dữ liệu B-K69	Dương Thị Hiền Thanh	Tin học Kinh tế
46	Công nghệ thông tin địa học E-K66	Diêm Thị Thùy	Tin học Trắc địa
47	Công nghệ thông tin địa học C-K66	Đinh Bảo Ngọc	Tin học Trắc địa
48	Khoa học Dữ liệu-K66	Nguyễn Hoàng Long	Tin học Trắc địa
49	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A1	Nguyễn Thị Mai Dung	Tin học Trắc địa
50	Công nghệ thông tin địa học D-K66	Trần Mai Hương	Tin học Trắc địa
51	Công nghệ thông tin địa học B-K66	Trần Thị Hòa	Tin học Trắc địa
52	Công nghệ thông tin địa học A-K66	Trần Trường Giang	Tin học Trắc địa
53	Công nghệ thông tin địa học A-K67	Diêm Thị Thùy	Tin học Trắc địa
54	Công nghệ thông tin địa học C-K67	Nguyễn Văn Thắng	Tin học Trắc địa
55	Công nghệ thông tin địa học B-K67	Trần Mai Hương	Tin học Trắc địa
56	Khoa học dữ liệu A-K68	Nguyễn Hoàng Long	Tin học Trắc địa
57	Khoa học dữ liệu A-K69	Đinh Bảo Ngọc	Tin học Trắc địa

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA KH&KT ĐỊA CHẤT

NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ số 1644/QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Địa chất học K66	Ngô Thị Kim Chi	Địa chất
2	Du lịch Địa chất K66	Phan Văn Bình	Địa chất
3	Địa chất học K67	Vũ Anh Đạo	Địa chất
4	Du lịch Địa chất K67	Nguyễn Hữu Hiệp	Địa chất
5	Địa chất học - K68	Vũ Anh Đạo	Địa chất
6	Du lịch địa chất - K68	Phan Văn Bình	Địa chất
7	Địa chất học - K69	Bùi Vinh Hậu	Địa chất
8	Du lịch địa chất - K69 A	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất
9	Du lịch địa chất - K69 B	Ngô Thị Kim Chi	Địa chất
10	Kỹ thuật Địa chất K66	Phan Viết Sơn	Tìm kiếm - Thăm dò
11	Kỹ thuật Địa chất K67	Lê Thị Thu	Tìm kiếm - Thăm dò
12	Kỹ thuật địa chất - K68	Nguyễn Đình Luyện	Tìm kiếm - Thăm dò
13	Kỹ thuật địa chất - K69	Phạm Thị Thanh Hiền	Tìm kiếm - Thăm dò
14	Đá quý - đá mỹ nghệ K67	Hà Thành Như	Khoáng thạch và Địa hóa
15	Đá quý - đá mỹ nghệ - K68	Nguyễn Hữu Trọng	Khoáng thạch và Địa hóa
16	Đá quý - Đá mỹ nghệ K69	Đặng Thị Vinh	Khoáng thạch và Địa hóa
17	Địa kỹ thuật xây dựng 66	Nguyễn Thị Nụ	Địa chất Công trình
18	Địa kỹ thuật xây dựng 67	Phạm Thị Việt Nga	Địa chất Công trình
19	Địa kỹ thuật xây dựng 68	Nguyễn Thành Dương	Địa chất Công trình
20	ĐCCT- Địa kỹ thuật- K66	Nguyễn Văn Hùng	Địa chất Công trình
21	ĐCCT- Địa kỹ thuật- K67	Bùi Văn Bình	Địa chất Công trình
22	Địa kỹ thuật xây dựng - K69 A	Dương Văn Bình	Địa chất Công trình
23	Địa kỹ thuật xây dựng - K69 B	Dương Văn Bình	Địa chất Công trình
24	Kỹ thuật Tài nguyên nước K67	Vũ Thu Hiền	Địa chất Thủy văn
25	Tài nguyên nước - K69	Đào Đức Bằng	Địa chất Thủy văn

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ & QLDD

NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ số: 1644 /QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Quản lý đất đai A K66	Đặng Thị Hoàng Nga	Địa chính
2	Quản lý đất đai B K66	Đặng Thị Hoàng Nga	Địa chính
3	Quản lý đất đai K67 A	Đặng Thị Hoàng Nga	Địa chính
4	Quản lý đất đai K67 B	Phạm Thị Kim Thoa	Địa chính
5	Quản lý đất đai K67 C	Nguyễn Thị Dung	Địa chính
6	Quản lý đất đai - K68 A	Phạm Thị Kim Thoa	Địa chính
7	Quản lý đất đai - K68 B	Nguyễn Thị Dung	Địa chính
8	Quản lý đất đai A K69	Phạm Thị Kim Thoa	Địa chính
9	Quản lý đất đai B K69	Phùng Minh Sơn	Địa chính
10	Địa tin học K66	Lê Thanh Nghị	Đo ảnh và Viễn thám
11	Địa tin học K67	Phạm Thị Thanh Hòa	Đo ảnh và Viễn thám
12	Địa tin học - K68	Lê Thanh Nghị	Đo ảnh và Viễn thám
13	Địa tin học K69	Nguyễn Minh Hải	Đo ảnh và Viễn thám
14	Trắc địa Bản đồ K66-01	Phạm Văn Hiệp	Bản đồ
15	Trắc địa Bản đồ K66-06	Phạm Văn Hiệp	Bản đồ
16	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ K69	Dương Anh Quân	Bản đồ
17	Trắc địa K67	Hoàng Anh Tuấn	T.địa P.thông và sai số
18	Trắc địa Bản đồ K67	Hoàng Anh Tuấn	T.địa P.thông và sai số
19	Quản lý phát triển đô thị và BĐS K67	Nguyễn Hà	Trắc địa công trình
20	Quản lý phát triển đô thị và BĐS K68	Nguyễn Thị Kim Thanh	Trắc địa công trình
21	Quản lý phát triển đô thị và BĐS K69 A	Trần Thùy Linh	Trắc địa công trình
22	Quản lý phát triển đô thị và BĐS K69 B	Trần Thùy Linh	Trắc địa công trình
23	Trắc địa K68	Lê Thị Thanh Tâm	Trắc địa cao cấp
24	Trắc địa bản đồ K68	Lê Thị Thanh Tâm	Trắc địa cao cấp

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA MÔI TRƯỜNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số: 1644/QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Kỹ thuật Môi trường K66	Trần Thị Ngọc	Kỹ thuật Môi trường
2	KT môi trường - K68	Nguyễn Thị Hòa	Kỹ thuật Môi trường
3	Kỹ thuật Môi trường K67	Nguyễn Mai Hoa	Địa sinh thái và CNMT
4	Kỹ thuật môi trường K69	Đỗ Thị Hải	Địa sinh thái và CNMT
5	Quản lý Tài nguyên & Môi trường K66	Vũ Thị Lan Anh	Quản lý Tài nguyên & Môi trường
6	Quản lý Tài nguyên & Môi trường K67	Phan Thị Mai Hoa	Quản lý Tài nguyên & Môi trường
7	Quản lý tài nguyên và môi trường K68A	Vũ Thị Phương Thảo	Quản lý Tài nguyên & Môi trường
8	Quản lý tài nguyên và môi trường K68B	Nguyễn Thị Cúc	Quản lý Tài nguyên & Môi trường
9	Quản lý tài nguyên và môi trường K69A	Nguyễn Văn Dũng	Quản lý Tài nguyên & Môi trường
10	Quản lý tài nguyên và môi trường K69B	Vũ Thị Lan Anh	Quản lý Tài nguyên & Môi trường

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN
NAM HỌC 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo QĐ số 1644/QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Hóa dược K67	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hóa
2	Hóa dược K68	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hóa

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA XÂY DỰNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ số: 1644 /QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K66	Ngô Xuân Hùng	Kỹ thuật Xây dựng
2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K67	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật Xây dựng
3	Quản lý xây dựng K67 A	Tăng Văn Lâm	Kỹ thuật Xây dựng
4	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	Lê Huy Việt	Kỹ thuật Xây dựng
5	Quản lý Xây dựng K68B	Phạm Thị Nhân	Kỹ thuật Xây dựng
6	Kỹ thuật xây dựng K69 C	Lê Huy Việt	Kỹ thuật Xây dựng
7	Kỹ thuật xây dựng K69 D	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật Xây dựng
8	Quản lý xây dựng K69 B	Ngô Xuân Hùng	Kỹ thuật Xây dựng
9	Xây dựng công trình ngầm K66	Nguyễn Chí Thành	Xây dựng CTN và mỏ
10	Xây dựng công trình ngầm K67	Nguyễn Tài Tiến	Xây dựng CTN và mỏ
11	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K67	Đặng Văn Kiên	Xây dựng CTN và mỏ
12	Quản lý xây dựng K67 B	Đỗ Ngọc Thái	Xây dựng CTN và mỏ
13	Xây dựng công trình ngầm K68	Đào Viết Đoàn	Xây dựng CTN và mỏ
14	Quản lý Xây dựng K68C	Nguyễn Tài Tiến	Xây dựng CTN và mỏ
15	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K68	Đặng Văn Kiên	Xây dựng CTN và mỏ
16	Kỹ thuật xây dựng K69 A	Nguyễn Chí Thành	Xây dựng CTN và mỏ
17	Kỹ thuật xây dựng K69 B	Đào Viết Đoàn	Xây dựng CTN và mỏ
18	Quản lý xây dựng K69 A	Trần Tuấn Minh	Xây dựng CTN và mỏ
19	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K69	Đỗ Ngọc Thái	Xây dựng CTN và mỏ
20	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K66	Đặng Quang Huy	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
21	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	Nguyễn Trọng Dũng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
22	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K67	Phạm Văn Hùng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
23	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	Hoàng Đình Phúc	Xây dựng Hạ tầng cơ sở

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
24	Quản lý xây dựng K67 C	Vũ Minh Ngạn	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
25	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K68	Phạm Văn Hùng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
26	Quản lý Xây dựng K68A	Phạm Đức Thọ	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
27	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K68A	Nguyễn Trọng Dũng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
28	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K68B	Đặng Quang Huy	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
29	Kỹ thuật xây dựng K69 E	Hoàng Đình Phúc	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
30	Kỹ thuật xây dựng K69 F	Đặng Quang Huy	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
31	Quản lý xây dựng K69 C	Ngô Thị Hương Trang	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
32	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K69 A	Nguyễn Trọng Dũng	Xây dựng Hạ tầng cơ sở
33	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K69 B	Ngô Thị Hương Trang	Xây dựng Hạ tầng cơ sở



DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA MỎ NĂM HỌC 2024 - 2025

(kèm theo QĐ số: 1644 /QĐ-MĐC ngày 30 tháng 10 năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Khai thác mỏ K66	Vũ Thái Tiến Dũng	Khai thác hầm lò
2	Khai thác mỏ K67	Phạm Văn Việt	Khai thác lộ thiên
3	Tuyển khoáng K67	Trần Văn Đước	Tuyển khoáng
4	An toàn vệ sinh lao động K67	Lê Thị Thu Hoa	Khai thác lộ thiên
5	Khai thác mỏ K68	Lê Tiến Dũng	Khai thác hầm lò
6	Tuyển khoáng K68	Phạm Thanh Hải	Tuyển khoáng
7	An toàn, vệ sinh lao động K68	Đỗ Ngọc Hoàn	Khai thác lộ thiên
8	Khai thác mỏ K69A	Nguyễn Hoàng	Khai thác lộ thiên
9	Khai thác mỏ K69B	Phạm Đức Hưng	Khai thác hầm lò
10	Tuyển khoáng K69	Lê Việt Hà	Tuyển khoáng
11	An toàn, vệ sinh lao động K69	Trần Đình Bảo	Khai thác lộ thiên

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA KINH TẾ & QTKD**NĂM HỌC 2024 - 2025**(Kèm theo QĐ số: **1644**/QĐ-MĐC ngày **30** tháng **10** năm 2024)

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
1	Kế toán 66 E1	Nguyễn Thị Kim Oanh	Kế toán Doanh nghiệp
2	Kế toán K66 F1	Lưu Thị Thu Hà	Kế toán Doanh nghiệp
3	Kế toán K66 F2	Lưu Thị Thu Hà	Kế toán Doanh nghiệp
4	Kế toán K66 D2	Lưu Thị Thu Hà	Kế toán Doanh nghiệp
5	Kế toán K66 A1	Nguyễn Tiến Hưng	Kế toán Doanh nghiệp
6	Kế toán K66 A2	Nguyễn Tiến Hưng	Kế toán Doanh nghiệp
7	Kế toán K66 B1	Nguyễn Tiến Hưng	Kế toán Doanh nghiệp
8	Kế toán K66 B2	Phạm Thu Hương	Kế toán Doanh nghiệp
9	Kế toán K66 C1	Phạm Thu Hương	Kế toán Doanh nghiệp
10	Kế toán K66 C2	Phạm Thu Hương	Kế toán Doanh nghiệp
11	Tài chính NH K66 A1	Dương Thị Nhân	Kế toán Doanh nghiệp
12	Tài chính NH K66 A2	Dương Thị Nhân	Kế toán Doanh nghiệp
13	Kế toán K67 A1	Nguyễn Thị Minh Thu	Kế toán Doanh nghiệp
14	Kế toán K67 A2	Nguyễn Thị Minh Thu	Kế toán Doanh nghiệp
15	Kế toán K67 B1	Nguyễn Thị Minh Thu	Kế toán Doanh nghiệp
16	Tài chính NH K67 A	Hoàng Thị Thủy	Kế toán Doanh nghiệp
17	Tài chính NH K67 B	Hoàng Thị Thủy	Kế toán Doanh nghiệp
18	Tài chính NH K67 C	Hoàng Thị Thủy	Kế toán Doanh nghiệp
19	Kế toán K66 D1	Lê Thị Thu Hồng	Kế toán Doanh nghiệp
20	Kế toán K66 E2	Lê Thị Thu Hồng	Kế toán Doanh nghiệp
21	Kế toán K68	Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán Doanh nghiệp
22	Tài chính NH 66 B1	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp
23	Tài chính NH 66 B2	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp
24	Tài chính NH 66 C1	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp
25	Tài chính NH 66 C2	Nguyễn Thị Kim Liên	Kế toán Doanh nghiệp
26	Kế toán K67 B2	Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán Doanh nghiệp
27	Kế toán K67 C1	Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán Doanh nghiệp
28	Kế toán K67C2	Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán Doanh nghiệp
67	Tài chính NH K68	Phạm Thị Hồng Hạnh	Kế toán Doanh nghiệp
71	Kế toán DN K69	Phan Minh Quang	Kế toán Doanh nghiệp
72	TCNH K69	Phạm Thu Uyên	Kế toán Doanh nghiệp
29	DCKTKD66_01A	Trần Văn Hiệp	QTDN Địa chất - DK
30	DCKTKD66_01B	Trần Văn Hiệp	QTDN Địa chất - DK
31	DCKTKD66_01C	Trần Văn Hiệp	QTDN Địa chất - DK
32	Marketing TT 66A	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	QTDN Địa chất - DK

TT	Tên lớp	Tên giáo viên CN	Bộ môn
33	Marketing TT 66B	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	QTDN Địa chất - DK
34	Marketing TT 66E	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	QTDN Địa chất - DK
35	Marketing TT 66C	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất - DK
36	Marketing TT 66D	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất - DK
37	DCKTKD 69A	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất - DK
38	DCKTKD 67_01A	Đỗ Đức Ánh	QTDN Địa chất - DK
39	DCKTKD67_01B	Đỗ Đức Ánh	QTDN Địa chất - DK
40	DCKTKD67_05A	Phạm Ngọc Tuấn	QTDN Địa chất - DK
41	DCKTKD67_05B	Phạm Ngọc Tuấn	QTDN Địa chất - DK
42	DCKTKD67_05C	Phạm Ngọc Tuấn	QTDN Địa chất - DK
43	DCKTKD68_01	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK
44	DCKTKD68_05	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK
45	Quản lý CN A K68	Phan Thị Thùy Linh	QTDN Mỏ
46	Quản lý CN B K68	Phan Thị Thùy Linh	QTDN Mỏ
47	QLCN K66A	Nguyễn Thị Hoài Nga	QTDN Mỏ
48	QLCN K66B	Đồng Thị Bích	QTDN Mỏ
49	QT TMĐT K66 A	Phạm Kiên Trung	QTDN Mỏ
50	QT TMĐT K66 B	Phạm Kiên Trung	QTDN Mỏ
51	DCKTKD68_04	Phạm Kiên Trung	QTDN Mỏ
52	QT TMĐT K66 C	Lê Đình Chiều	QTDN Mỏ
53	QT TMĐT K66 D	Lê Đình Chiều	QTDN Mỏ
54	QT TMĐT K66 E	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ
55	QT TMĐT K66 F	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ
56	QT TMĐT K66H	Nguyễn Đức Thắng	QTDN Mỏ
57	QT TMĐT K66G	Nguyễn Đức Thắng	QTDN Mỏ
58	QLCN 67 A	Lê Đình Chiều	QTDN Mỏ
59	QLCN 67 B	Lê Đình Chiều	QTDN Mỏ
60	Logistics K67 A	Nguyễn Thị Hường	QTDN Mỏ
61	Logistics K67 B	Nguyễn Thị Hường	QTDN Mỏ
62	DCKTKD67_04A	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ
63	DCKTKD67_04B	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ
64	DCKTKD 69B	Lê Văn Chiến	QTDN Mỏ
65	DCKTKD67_04C	Nguyễn Đức Thắng	QTDN Mỏ
66	DCKTKD67_04D	Nguyễn Đức Thắng	QTDN Mỏ
68	QLCN K69A	Nguyễn Văn Thường	QTDN Mỏ
69	QLCN K69B	Nguyễn Văn Thường	QTDN Mỏ
70	QLCN K69C	Nguyễn Văn Thường	QTDN Mỏ